

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
Tập 7

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ bảy - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0007

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Mời quý vị mở [sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, quyển hạ], trang 818, hàng đầu tiên. Mời quý vị xem kinh văn:

“Này Vô Tận Ý! Sức oai thần của Đại Bồ Tát Quán Thế Âm lớn lao như thế.”

Câu kinh văn này là tổng kết cho đoạn trước, đã nói về Bồ Tát cứu hộ tất cả chúng sinh thoát bảy loại tai nạn lớn.

Trong chú giải nói: “Bồ Tát Quán Thế Âm thần lực đã lớn, sự gia hộ cũng rộng khắp, đâu chỉ có bảy loại tai nạn? Nên biết là khắp pháp giới đều có thể cứu vớt giúp đỡ, cho nên nói là lớn lao, có sức oai thần lực lớn lao như vậy.”

Thời gian chúng ta giảng kinh lần này không dài, hôm nay là ngày thứ tư của khóa Phật thất, thời gian trôi qua thật nhanh. Trong kinh văn và chú giải có nhiều thuật ngữ danh hiệu, chúng ta đều đã lược bỏ. Vì phần thuật ngữ danh hiệu, quý vị có thể tự tra cứu trong các từ điển Phật học, như “Giáo thừa pháp số”. Trong những sách đó đều có thể tìm thấy. Trong buổi giảng, chúng ta chú trọng vào việc giảng rộng nghĩa lý, như vậy chúng ta mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Trong số các đồng tu, đa phần đều là những vị đồng tu lâu năm, nên rất nhiều danh từ thuật ngữ đều đã quen thuộc. Như chỗ này nói “Quán Thế Âm Bồ Tát Ma-ha-tát”, thì ma-ha-tát cũng là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung quốc là Đại Bồ Tát, “ma-ha” dịch là đại, “tát” cũng chính là Bồ Tát.

Tại sao đã gọi là Bồ Tát, phần sau lại còn gọi là Đại Bồ Tát? Ý nghĩa này rõ ràng là nói với chúng ta rằng, danh xưng Bồ Tát Quán Thế Âm trong đó hàm chứa ý nghĩa rất sâu, nói đến một vị Bồ Tát có thể hiện vô lượng vô biên thân. Ngài có thể hiện thân Bồ Tát Sơ trụ, tức là Bồ Tát trong hàng Tam hiền, như chúng ta thấy trong kinh Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, đều là Bồ Tát Tam Hiền.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát hiện thân Sơ trụ. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy hiện thân là Đệ thất hồi hướng, cũng đều gọi là Bồ Tát. Nếu thị hiện thân phận Bồ Tát hàng Địa thượng, tức là từ Sơ địa trở lên, cho đến giai vị Đẳng Giác, thì gọi là Ma-ha-tát. Ý nghĩa này chính là để nói rõ, Ngài thị hiện thân không nhất định, nên hiện thân nào để chúng sinh được hóa độ thì Ngài liền thị hiện thân đó.

Chúng ta nói Bồ Tát Ma-ha-tát, tức là nói Ngài hiện thân Bồ Tát, thậm chí từ hàng Thập tín cho đến giai vị Đẳng giác, tất cả đều bao gồm trong đó. Nếu chúng ta chỉ nói Bồ Tát, thì không bao gồm Thập Địa, không bao gồm Đẳng Giác. Còn nếu chỉ nói Đại Bồ Tát, tức Ma-ha-tát, thì không bao gồm các giai vị Tam hiền. Vì vậy, trong danh từ này hàm chứa rất nhiều ý nghĩa.

Ngoài ra còn một ý nghĩa khác, Bồ Tát Quán Thế Âm không chỉ là một người, mà nói chung tất cả những ai tu học pháp môn này, phát tâm tương đồng như vậy, thì đều gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu hôm nay quý vị đọc xong phẩm kinh Phổ Môn này, rồi phát đại nguyện giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, tu tập công hạnh giống như Ngài, thì quý vị cũng được gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng quý vị không thể được gọi là Ma-ha-tát, vì là người mới phát tâm, là tiểu Bồ Tát sơ học. Đối với những vị Bồ Tát hàng Địa thượng, Bồ Tát Đẳng giác, các Ngài mới là Ma-ha-tát. Chúng ta gọi Bồ Tát Ma-ha-tát là bao gồm từ người sơ phát tâm cho đến hàng Đẳng giác, tất cả đều ở trong đó. Vì vậy, ý nghĩa này hàm chứa rất nhiều, chúng ta cần phải hiểu.

“Sức oai thần... ..lớn lao đến thế.” Hai câu này là xưng tán.

Đến đây, chúng ta đã giới thiệu xong toàn bộ đoạn kinh văn nói về bảy loại tai nạn. Tiếp theo là đoạn giữa thứ hai, nói về việc lìa xa ba độ.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đoạn giữa này được chia thành ba tiểu đoạn, kinh văn ở đây tuy không chia, nhưng ba tiểu đoạn cũng rõ ràng. Mời quý vị xem kinh văn.

“Nếu có chúng sanh thường tham dâm dục, cung kính niệm danh Bồ Tát Quán Thế Âm liền xa lìa dục.”

Đây là một tiểu đoạn, tiểu đoạn này nói về tham và lìa xa tham.

“Nếu nhiều sân hận, thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, liền xa lìa sân; nếu nhiều ngu si, thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, liền xa lìa si.”

Đây là nói đủ về ba độc: tham, sân, si. Phiền não mà gọi là độc, có thể thấy được sự nghiêm trọng của những phiền não này. Trong nhà Phật thường nói, vô lượng vô biên phiền não, đây là lời chân thật. Lại nói có tám muôn bốn ngàn phiền não, con số 84.000 này không phải tùy tiện nói ra, mà đích thực nói rõ có 84.000 loại. Còn những loại cụ thể nào để tính là 84.000 loại? Quý vị có thể tra từ điển Phật học, như Giáo Thừa Pháp Số, Tam Tạng Pháp Số đều có giải thích. Do đó, Phật có 84.000 pháp môn, pháp môn chính là để đối trị phiền não, nên có bao nhiêu phiền não thì có bấy nhiêu pháp môn. Giống như người đời mắc bệnh, có bao nhiêu loại bệnh thì có bấy nhiêu loại thuốc để chữa trị.

Đem những phiền não này quy nạp lại, vì 84.000 là quá nhiều, nói ra nhiều quá thì ngán sợ, nên trong kinh điển thường dùng phương pháp quy nạp, quy nạp thành một trăm lẻ tám loại, gọi là “trăm lẻ tám phiền não”, như vậy dễ nói hơn. Nhưng thông thường trong các buổi giảng, nói “trăm lẻ tám phiền não” vẫn còn thấy nhiều, nên Bồ Tát Thiên Thân căn cứ vào luận Du-già sư địa lại quy nạp thành hai mươi sáu loại phiền não. Đây là cách thường được dùng trong các buổi giảng. Hai mươi sáu loại này là con số quy nạp từ vô lượng vô biên phiền não, khi mở rộng ra chính là 84.000 phiền não.

Trong hai mươi sáu loại phiền não, tức là như trong luận Bách pháp minh môn đã nói, được chia thành hai phần. Phần thứ nhất là căn bản phiền não, có sáu loại; phần thứ hai gọi là tùy phiền não, có hai mươi loại, hợp lại là hai mươi sáu loại phiền não. Đương nhiên, sáu loại căn bản phiền não này là nguồn gốc của tất cả các phiền não. Sáu loại phiền não này, nếu quy nạp tiếp thì thành ba độc, tức là tham, sân, si.

Nếu quý vị hỏi, ba độc này có thể quy nạp nữa được không? Thưa với quý vị là có thể, quy nạp đến cuối cùng chỉ còn một chữ, đó là tham.

Quý vị thử nghĩ xem, nếu không tham thì đâu có ngu si? Nếu quý vị tham, tham tất cả mọi thứ, vậy có sân hận hay không? Chỉ khi tham không được mới sinh sân hận, nếu tham mà có được thì không sân hận. Trong lúc tham cầu mà gặp chướng ngại, người khác cản trở, ngăn cản, quý vị liền sinh tâm sân hận. Nếu mọi người đều giúp vào chỗ tham muốn của quý vị, mọi sự tham cầu của quý vị đều

thuận lợi, thì làm sao có sân hận? Vì vậy, quý vị nên biết, nguồn gốc lớn nhất của phiền não chính là ở một chữ tham.

Do đó, phương pháp tu học của Bồ Tát, từ sơ phát tâm cho đến Đăng Giác, đều lấy bố thí làm chủ yếu. Ý nghĩa của bố thí là gì? Chính là để đối trị phiền não tham. Bố thí là buông bỏ, xả bỏ. Đừng cho rằng tiền tài của cải do mình vất vả kiếm được, đem bố thí đi là nhường cho người khác hưởng phước. Người khác nhận được sự bố thí của quý vị, họ được bao nhiêu? Nhưng khi quý vị trừ bỏ được tâm tham, công đức đó lớn biết bao! Vậy nếu tôi không có tâm tham, tôi không cần bố thí có được không? Xin thưa với quý vị, như vậy cũng được, không phải là không được. Nhưng vấn đề ở đây là gì? Tâm tham không dễ dứt trừ, không phải chỉ nói suông là dứt trừ được. Vì vậy, chư Phật Như Lai, các bậc tổ sư, đại đức qua các đời, dù tại gia hay xuất gia, tất cả đều thị hiện việc xả bỏ, xa lìa tất cả. Các vị thị hiện như vậy để cho chúng ta thấy rằng, thật sự có thể buông xả thì tâm mới thanh tịnh.

Nhìn lại tất cả những điều kinh văn từ trước đã nói, Bồ Tát có thể cứu bảy loại tai nạn, chúng ta và Bồ Tát có thể cảm ứng tương giao, có thể được oai thần của Bồ Tát gia hộ bảo vệ. Trong đó dạy chúng ta cách tiêu trừ tai nạn, phương pháp tu hành chỉ gồm trong bốn chữ “nhất tâm xưng niệm”. Quý vị thử nghĩ xem, nếu trong tâm còn có tham, làm sao đạt được nhất tâm? Nếu còn có sân hận, làm sao đạt được nhất tâm? Nếu còn có ngu si, sự nhất tâm của quý vị cũng bị chướng ngại. Do đó có thể biết, chúng ta nói dứt trừ phiền não, phải dứt trừ từ đâu? Phải dứt trừ từ căn bản. Căn bản đó chính là ba độc.

Quý vị xem, tiếp theo kinh văn phía dưới có một đoạn, chúng ta cùng đọc lên:

“Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có những oai thần lớn lao như vậy, làm lợi ích rất nhiều, do vậy chúng sanh nên thường xưng niệm.”

Chữ “xưng niệm” này chính là nhất tâm trì niệm. Chúng ta lại xem chú giải của Pháp sư Đại Nghĩa:

“Ba thứ này gọi là độc”, mỗi câu nơi đây chúng ta đều không thể xem qua loa, phải ghi nhớ kỹ, từng câu đều chân thật không hư dối. Nói “ba thứ này” tức là tham sân si, gọi là độc, “vì có thể làm hại người tu hành”, chữ hành ở đây chỉ người tu hành, người phát tâm tu hành, nó có thể làm hại, “nên ví như chất độc”, chữ độc ở đây là ví dụ. “Nhưng có đơn giản và phức tạp, nay theo cách liệt kê

phức tạp”, đơn giản là nói về một mặt, phức tạp là nói cả về hai mặt. Cách giải thích của Pháp sư là nhìn từ hai mặt để nói. “Tự ái là dục, ái tha là dâm, người nhiều dâm dục không chừa cả cầm thú, không tránh tường cao, không màng đức hạnh, phá hoại đến nước mất nhà tan, gây họa đến thân mình. Nếu có thể thường niệm Quán Thế Âm, liền được dứt lìa.”

Dục bao gồm phạm vi rất rộng, Phật Bồ Tát khi giảng giải cho chúng ta về tác hại của loại phiền não độc hại này, chỉ nêu ra một loại để giảng rõ mà thôi. Chúng ta không thể chỉ thấy trong kinh Phật nói, dâm dục là độc hại nhất, vậy tham những thứ khác có hại không? Xin thưa với quý vị, cũng giống như vậy thôi. Đức Phật dạy chúng ta dứt trừ tâm tham, chứ không phải thay đổi đối tượng của tham. Ý nghĩa này cần phải hiểu rõ.

Người phàm thường có hai sự tham lam rất lớn là tham ăn và tham sắc dục. Nếu mở rộng ra hơn nữa thì là năm món dục: tiền tài, sắc dục, danh tiếng, miếng ăn, giấc ngủ. Trong năm món dục ấy, nặng nhất là tiền tài và sắc dục. Lại so sánh trong hai thứ tiền tài và sắc dục thì nặng hơn là sắc dục. Đây là nói đối với đa số. Cũng có một số ít người xem trọng tiền tài, xem nhẹ sắc dục; lại cũng có người không để ý đến tài sắc nhưng rất coi trọng danh vọng, quyền lực, đến chỗ nào cũng muốn được nắm quyền, đối với tiền tài, sắc dục họ không quan tâm đến, nhưng đó là số ít.

Nói chung, quý vị đã có tâm tham, phiền não tâm tham này rất nặng, sẽ gây tổn hại nghiêm trọng cho sự tu hành của quý vị. Nó có thể phá hoại pháp thân tuệ mạng của quý vị, không những chướng ngại đường đến Đại Niết-bàn, mà cũng chướng ngại sự khai ngộ.

Chúng ta xem chuyện người xưa, người xưa tu hành đọc tụng có thể khai ngộ, xưng niệm thánh hiệu cũng có thể khai ngộ, tham thiền cũng có thể khai ngộ, tại sao chúng ta ngày nay không thể khai ngộ? Công phu của các ngài vận dụng, bất kể là công phu gì, niệm Phật cũng được, tham thiền cũng được, lễ bái cũng được, tụng kinh cũng được, những phương pháp đó của các ngài, xác thực đều có thể không chế được phiền não ba độc. Nhờ có thể hàng phục phiền não nên các ngài khai ngộ. Sự tu học của chúng ta ngày nay, chẳng những không hàng phục được phiền não, mà còn sao nữa? Còn làm tăng trưởng phiền não, vậy nên không thể khai ngộ.

Chúng ta phát tâm hoằng pháp, là vì cái gì mà hoằng pháp? Nếu vì tham được danh tiếng, tham lợi dưỡng, tham sáu pháp ba-la-mật... hay nói cách khác,

đó là mỗi một ý niệm đều đang tăng trưởng tâm tham. Phiền não gọi là vô minh, như Đại sư Thanh Lương nói là tăng trưởng vô minh; vô minh ngày càng tăng thì phiền não ngày càng nặng. Ví như khi giảng kinh, thính chúng đông đảo thì rất vui mừng, giảng rất hăng hái; thính chúng thưa thớt thì không vui. Khi đông người, tâm tham khởi lên, lúc giảng tâm tham tăng trưởng; khi ít người, tâm sân hận tăng trưởng. Như vậy, tự mình làm sao khai ngộ? Làm sao có thể lợi ích chúng sinh? Đối với trong pháp Phật còn không được tham, huống chi là pháp thế gian. Điều này chúng ta phải hiểu rõ.

Người phàm tham muốn ưa thích năm món dục trong sáu trần cảnh, nên không thể ra khỏi ba cõi. Chẳng những không ra khỏi ba cõi, nói thật với quý vị, ngay trong ba cõi còn không thể ra khỏi cõi Dục. Dù tu phước nhiều đến đâu, cũng chỉ hưởng phước trên các tầng trời cõi Dục, còn các tầng trời cõi Sắc không có phần của người nhiều tham dục, đây là điều chúng ta cần biết. Trong các tầng trời cõi Sắc thì sao? Ở đó không có năm món dục, tâm thanh tịnh, từ Sơ thiên trở lên tâm thanh tịnh. Các vị ấy đã dứt trừ phiền não tham đối với cõi Dục, tại sao vẫn không thể vượt thoát sinh tử luân hồi? Vì đối tượng tham của họ thay đổi, họ tham thiên định. Vì vậy họ không ra khỏi sáu đường luân hồi, nguyên nhân là ở điểm này. Họ không tham những thứ tiền tài, sắc dục, danh tiếng, miếng ăn, giấc ngủ như trong cõi Dục, nên họ vượt thoát khỏi cõi Dục; nhưng họ còn tham thiên định nên không ra khỏi cõi Sắc. Chư thiên trên cõi trời Tứ thiên¹ đối với cõi Sắc vẫn còn tham hình sắc. Hình sắc đó không phải là nữ sắc, sắc dục, mà là sắc tướng, như ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, họ còn tham những điều đó. Họ tham cung điện, nơi cư trú phải tốt đẹp, họ tham điều đó. Trong đó không có tình dục, nhưng có sắc tướng, họ vẫn không thể xả bỏ sắc tướng, đây gọi là cõi Sắc, có mười tám tầng trời Tứ thiên.

Nếu ngay cả sắc tướng cũng không quan tâm thì là bậc cao cấp giữa những người phàm trong sáu đường. Vì sao? Vì có sắc tướng thì có hư hoại, nên có thành, trụ, hoại, không. Vì vậy, bậc cao minh sáng suốt thì ngay cả sắc tướng cũng không quan tâm, không quan tâm đến thân thể, hoàn toàn chỉ còn thế giới tinh thần. Đây chính là các tầng trời Tứ không [thuộc cõi Vô sắc]. Nhưng tại sao các tầng trời Tứ không cũng không ra khỏi luân hồi? Vì họ vẫn còn tham. Họ tham

¹ Nguyên tác nói “四空天人 - Tứ không thiên nhân” có lẽ nhầm lẫn khi ghi chép, vì ở đây đề cập đến chư thiên cõi Sắc thì không thể là Tứ không thiên, vốn thuộc về cõi Vô sắc.

những gì? Họ tham không cần sắc tướng. Khó thật! Thật sự là rất khó! Tu tập đến bốn cảnh thiên, tám cảnh định vẫn còn là trong ba cõi.

Tại sao các vị A-la-hán, Bích-chi Phật có thể ra ngoài ba cõi? Vì đối với các pháp có hình sắc hoặc không hình sắc họ đều không còn tham muốn. Nói cách khác, không có gì trong ba cõi có thể khiến họ lưu tâm đến, họ không tham muốn gì cả, đã buông bỏ tất cả. Thân tâm, thế giới đều buông bỏ, ra khỏi tam giới, ý nghĩa là ở chỗ này. Các ngài thành A-la-hán, Bích-chi Phật, siêu việt ngoài ba cõi, gọi là chứng đắc Cửu thứ đệ định. Nhưng tại sao các ngài vẫn chưa “sáng tâm thấy tánh”? Vì các ngài vẫn còn tham, các ngài tham sự hưởng thụ trong định của Niết-bàn. Điều là bị hỏng ở nơi chữ tham này! Thanh văn, Duyên giác còn tham nơi Niết-bàn thiên chân nên không thể thấy tánh. Bồ Tát quyền giáo còn tham sáu ba-la-mật với muôn công hạnh, nên cũng không thể thấy tánh. Thấy tánh được phải là từ giai vị Sơ trụ của Viên giáo trở lên.

Thấy tánh là gì? Là hoàn toàn lìa bỏ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, không còn vướng mắc một mảy may, buông bỏ hết, ngay cả Phật pháp cũng không tham. Vì vậy, trong cảnh giới của các ngài, thấy Phật cũng như không thấy, nghe cũng như không nghe, căn bản đều không động tâm.

Chúng ta ngày nay vừa thấy Phật thì mừng rỡ khôn xiết. Tại sao? Vì tham muốn thấy Phật. Do đó có thể biết, chướng ngại lớn nhất trên con đường Bồ-đề, trong quả vị Niết-bàn, đều chính là phiền não tham này. Làm thế nào để dứt trừ? Đây mới thật sự là pháp căn bản.

Lúc tôi vừa mới học Phật, cũng rất may mắn, nhờ cơ duyên tốt nên gặp được bậc minh sư, không phải đi đường vòng. Tôi học Phật khoảng chừng một tháng, tức là mới tiếp xúc Phật pháp được một tháng, có một người bạn giới thiệu tôi quen biết Đại sư Chương Gia. Ngày đầu tiên gặp Ngài, tôi đã thỉnh giáo ngay một vấn đề. Tôi nói, Phật pháp thật quá hay, tôi thật hết lòng hướng về, liệu có một phương pháp nào để tôi có thể tiến nhập vào ngay không?

Đại sư Chương Gia là người mà quý vị nếu chưa gặp thì thôi, đã được gặp thì không thể không kính trọng. Phong thái của ngài từ sáng đến tối, bất kể giờ nào, đều giống như đang ở trong thiền định, chững chạc, từ hòa, không nói nhiều. Khi chúng tôi nêu vấn đề rồi, cùng chờ đợi ngài trả lời. Ngài đưa mắt nhìn thẳng tôi, nhìn như vậy trong nửa tiếng đồng hồ, bầu không khí lúc đó, mọi người đều như ở trong thiền định.

Lần đầu tiên tôi gặp Ngài khoảng hai tiếng đồng hồ, chỉ nói được vài ba câu, ấn tượng thật vô cùng sâu sắc. Đây chính là phương thức dạy dỗ. Vì tâm chúng tôi lúc đó lảng xãng, xao động. Với cái tâm lảng xãng đó mà nghe giảng giải việc này việc khác cũng chỉ như gió thoảng qua tai, sau khi nghe rồi cũng đều quên hết, không nhớ được, chẳng lợi ích gì. Ngài dùng phương pháp này, cũng giống như tĩnh tọa, mọi người tĩnh tọa nửa tiếng, không nói một lời, bầu không khí ấy như ở trong đại định. Rồi ngài nói với tôi bảy chữ, chỉ bảy chữ thôi. Nhưng trước tiên ngài gật đầu nói “có”. Chỉ nói “có” rồi lại im lặng khoảng vài ba phút. Rồi ngài nói rất chậm rãi, người trẻ nếu gặp Ngài thường sẽ không đủ kiên nhẫn, sẽ bỏ đi ngay, không thể biết được sự cao minh của phương pháp giáo dục này. Ngài nói sáu chữ: “Nhìn cho thấu, buông cho sạch.”

Lúc đó tôi không có công phu định lực như ngài, nên nghe xong câu đó lập tức hỏi tiếp: “Phải bắt đầu từ đâu?” Khoảng mười mấy phút sau, ngài nói hai chữ: “Bồ thí.”

Ngày đầu tiên gặp ngài hai tiếng đồng hồ, quả thật phần lớn thời gian đều là tĩnh tọa. Trong phòng khách chỉ có ba chúng tôi. Ngài với tôi và người giới thiệu tôi, đó là một thân vương Mông Cổ, nay cũng đã qua đời. Lúc đó, vị thân vương này ở cạnh nơi trú ngụ của tôi, cách một bức tường, không xa lắm nên tôi quen biết. Ông dẫn tôi đến gặp Đại sư Chương Gia, được gặp ngài thật là hết sức hữu duyên.

Khi tôi cáo từ, Đại sư Chương Gia tiễn tôi ra đến cửa, đặc biệt dặn dò: “Hôm nay tôi nói với anh sáu chữ, anh hãy làm cho tốt trong sáu năm, tự nhiên sẽ có cảm ứng.”

Ngài bảo tôi làm sáu năm. Tôi thật sự vâng lời, thật sự nỗ lực làm trong sáu năm, quả thật có cảm ứng. Có nhiều sự việc trước khi xảy ra khoảng một tháng, nửa tháng, tự mình đã biết trước, đã có cảm ứng. Cho nên, căn bản học Phật của tôi là do Đại sư Chương Gia giúp cho nền móng. Tôi theo ngài ba năm, mỗi chủ nhật đều đến chỗ Ngài, thường luôn là trong hai tiếng đồng hồ.

Do đó có thể biết rằng, bồ thí là căn bản quan trọng trong sự tu học của Bồ Tát, tu tập từ căn bản chính là tu tập từ sự bồ thí. Không buông xả thì tâm không thanh tịnh, không buông xả không thể đạt được nhất tâm. Không những phải buông xả hết tất cả các pháp thế gian, mà đến pháp xuất thế gian, ngay cả Phật pháp, pháp thượng thượng thừa cũng không được ôm giữ trong tâm. Đức Phật dạy chúng ta dứt trừ là dứt trừ tâm tham, không phải bảo chúng ta thay đổi đối

tượng của tham. Thay đổi đối tượng, rằng tôi không tham pháp thế gian, tôi tham pháp xuất thế gian. Vậy thì tâm tham của quý vị không hề thay đổi. Phiền não vẫn còn đó, không giảm bớt, chỉ thay đổi đối tượng mà thôi, điều đó vô ích. Tâm tham dứt trừ rồi thì pháp thế gian và xuất thế gian là một, pháp thế gian và xuất thế gian không hai. Tâm tham dứt trừ rồi, tất cả pháp đều gọi là Phật pháp. Tâm tham vẫn còn thì Phật pháp cũng là thế gian pháp.

Như chúng tôi đã nói trong đề kinh, pháp chúng sinh và Phật pháp, nếu có tham sân si thì Phật pháp gọi là pháp chúng sinh; nếu lìa tham sân si thì pháp thế gian là Phật pháp. Pháp làm gì có thế gian hay xuất thế gian, làm gì có chúng sinh hay Phật? Không có! Sở dĩ có pháp chúng sinh, có Phật pháp, đều là do tâm ta biến hiện ra. Tâm thanh tịnh biến hiện thì gọi là Phật pháp; tâm phiền não biến hiện thì gọi là pháp thế gian. Ý nghĩa này phải ghi nhớ.

Tiếp theo, Đại sư lại dẫn một đoạn từ kinh Lăng Nghiêm:

“Chín là, huân tập tánh nghe, xa lìa trần tướng, sắc, thanh... không thể lôi kéo, nên khiến tất cả chúng sanh nhiều dâm dục lìa xa tham dục.”

Mấy câu này là kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm. Chúng ta hãy đọc tiếp mấy câu chú giải phía dưới:

“Tập khí tham dục của chúng sinh tương hợp với trần cảnh”, chữ “dục” ở đây chỉ sắc dục, “nên bị hình sắc cướp đoạt, Bồ Tát xa lìa trần cảnh, ái dục khô kiệt, căn và cảnh không hợp lại, tuy có sắc đẹp cũng không thể cướp đoạt, làm cho dao động.” Đến đây là một đoạn.

Ba độc quả thực là đã gây cho chúng ta sự tổn hại nghiêm trọng nhất. Chúng ta đời đời kiếp kiếp chịu luân hồi sinh tử, không thể chứng đắc Bồ-đề Niết-bàn, nguyên nhân chính là ở chỗ này. Chúng ta ở trong sáu đường chịu vô vàn khổ nạn, nguồn gốc cũng là ở chỗ này. Nếu quả thực giác ngộ được, nhổ bật đi cội gốc này thì chúng ta sẽ được đại tự tại, giống như Phật Bồ Tát không khác. Vì vậy phải biết rằng, đây mới chính là điều đáng sợ. Trong nhà Phật thường nói: “Phàm phu sợ quả, Bồ Tát sợ nhân.” Bồ Tát sợ nhất chính là ba độc, còn chúng sinh đối với ba độc không hề sợ. Chẳng những không sợ mà còn ưa thích. Đến khi ba độc gây ra hậu quả rồi thì lại sợ. Nhưng sợ quả thì cũng không có cách nào thay đổi. Dù quý vị có sợ sệt thế nào thì quả báo đó quý vị vẫn phải nhận lãnh.

Tóm lại, trong mười pháp giới, hoặc như chúng ta nói là trong sáu đường, quý vị đã biết có ba đường ác. Nghiệp nhân tạo thành ba đường ác, chúng ta phải

hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, không tạo các nhân tạo thành ba đường ác thì sẽ không hiện thành cảnh giới ba đường ác. Nói cách khác là không bị đọa vào ba đường ác.

Tham dục là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ. Như đã nói trong phần bảy nạn, tính chất của quỷ là u ám, giấu kín. Tham ái cũng thuộc tính âm, chẳng phải tính dương. Dù là vợ chồng chính thức, quý vị hãy thử xem từ thời xưa, hôn lễ được cử hành vào lúc nào? Là cử hành vào ban đêm. Quý vị xem trong các sách Nghi lễ, Lễ ký đều thấy, trong hôn lễ, thời điểm đón dâu là vào lúc hoàng hôn, đến khi cử hành đại lễ thì trời đã tối, khoảng như 8 giờ tối bây giờ. Hành lễ vào giờ ấy, không nghe nói cử hành hôn lễ giữa ban ngày. Vì vậy chữ “hôn” (婚) trong hôn nhân thì bên cạnh bộ nữ là chữ “hôn” (昏) nghĩa là hoàng hôn.

Tại sao cử hành vào giờ đó? Bậc cổ đức đều có trí tuệ, muốn nhắc ta giác ngộ, rằng đây không phải là việc tốt, đây là mê hoặc điên đảo, là mê muội, không phải tỉnh táo trong sáng. Nếu biết đây là mê muội thì sẽ tỉnh táo, giác ngộ, mọi nơi đều nhắc ta giác mà không mê. Người Trung quốc thời xưa tạo ra những chữ này, mỗi chữ đều có tính khơi mở, nhìn vào là giác ngộ, không mê. Trong nghi thức, quy định mọi nơi đều để khơi mở, cảnh tỉnh ta, không được mê hoặc điên đảo. Phạm phu vốn có tâm tham, mức độ tham đó nên giảm bớt, không nên tăng thêm. Tham ái là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ, nên quỷ ban đêm mới xuất hiện. Hôn lễ cũng cử hành ban đêm, quý vị hãy xem ý nghĩa này. Chính là nói cho quý vị biết, tham ái nếu nặng nề thì tương lai sẽ giống như quỷ, đọa vào đường của quỷ.

Quý vị xem trong văn hóa Trung quốc, người xưa vì hậu thế mà suy nghĩ, định ra những nghi thức này, dụng ý hết sức sâu xa, không phải người thời nay có thể tưởng tượng ra được.

Sân hận nặng nề là nghiệp nhân của đường địa ngục. Quý vị nhìn xem địa ngục, như trong Địa ngục biến tướng đồ, dù là địa ngục băng giá cũng vẽ có ánh lửa. Địa ngục là cả một biển lửa. Con người một khi nổi giận, quý vị xem thấy toàn thân đều nóng nẩy. Nóng nẩy đó là tướng của lửa. Địa ngục từ đâu biến hiện? Từ trong tâm sân hận mà biến hiện ra.

Nói ngu si nặng nề, vậy thế nào gọi là ngu si? Không thể phân biệt chân thật với hư vọng, không thể phân biệt tà với chính, thậm chí đối với thiện ác, đúng

sai, lợi hại đều không rõ biết, cho pháp lành là pháp ác, pháp ác là pháp lành, đó gọi là ngu si. Ngu si là nghiệp nhân của đường súc sinh. Súc sinh vốn ngu si.

Do đó có thể biết, nghiệp nhân căn bản của ba đường ác chính là ba độc. Trong lục độ, bố thí là đối trị độc tham, nhẫn nhục đối trị độc sân, trí tuệ Bát-nhã đối trị độc si. Lục độ là thuốc, tham sân si là bệnh, dùng thuốc ấy trị bệnh ấy, dùng thuốc thì trừ được bệnh, chúng ta mới có thể được độ thoát.

Chúng ta dùng được thuốc này thật sự có hiệu quả, thì mới có thể cảm ứng tương giao cùng Bồ Tát. Nhưng khi bệnh quá nặng, từ vô thủy kiếp đến nay nuôi dưỡng thành tập khí. Nói cách khác, tập khí này chính là “phiền não câu sinh”² như trong kinh điển nói. Không phải do người dạy, không phải ngày nay mới học, mà là vừa sinh ra đã sẵn có.

Tại sao vừa sinh ra đã sẵn có? Vì chúng ta có những kiếp sống quá khứ, đời đời kiếp kiếp đã huân tập trong thức a-lại-da thành một loại chủng tử kiên cố. Chủng tử này khi gặp duyên liền sinh khởi hiện hành.

Chúng ta được nghe pháp Phật, muốn dứt trừ loại phiền não này. Trong lòng rất muốn dứt trừ nhưng dứt trừ không được. Tại sao không dứt trừ được? Vì tập khí quá nặng, sức mạnh của nó quá lớn, chúng ta tự mình học được đôi chút Phật pháp không đủ sức chống lại. Vì vậy, Phật pháp cũng cần phải huân tập lâu dài.

Chúng ta nói mình dụng công, thế nào gọi là dụng công? Mỗi ngày tụng kinh gọi là dụng công, mỗi ngày lễ Phật gọi là dụng công. Được rồi, vậy mỗi ngày quý vị có thể tụng kinh được mấy giờ? Quý vị có thể lễ Phật được mấy giờ? Quý vị mỗi ngày có thể tụng kinh được hai giờ, có thể lễ Phật được hai giờ. Tốt lắm, vậy tính chung được bốn giờ, mỗi ngày có 24 giờ, quý vị huân tập Phật pháp chỉ được bốn giờ, còn lại 20 giờ là huân tập tham sân si, vẫn là không chống lại nổi. Cho dù mỗi ngày dụng công 12 giờ cũng mới chỉ là mỗi bên một nửa, không nắm chắc; không thể được siêu thoát vãng sinh, không chắc chắn.

Vì vậy, sự tu học trong các tự viện Trung quốc ngày xưa, mỗi ngày phải vận dụng công phu đến 16 giờ. Như vậy, sự huân tu Phật pháp trong một ngày chiếm được hai phần ba. Nói cách khác, sự huân tập phiền não chỉ chiếm một phần ba, sức mạnh huân tu Phật pháp mạnh mẽ hơn, như vậy dần dần mới có thể chế ngự được phiền não.

² Phiền não câu sinh: tức là những phiền não huân tập từ nhiều đời, nên ngay khi sinh ra trong đời này đã có, không phải do ngoại duyên tạo thành hay do học tập mà có.

Trong kinh điển thường nói, vào thời Phật tại thế cũng vậy, mỗi ngày có hai thời giảng kinh, hai thời tu hành. Hai thời là tương đương với 8 giờ ngày nay, vì Ấn Độ tính một ngày đêm chia làm 6 thời: ngày ba thời, đêm ba thời. Trong kinh điển, đặc biệt là trong giới luật thường thấy, thời gian ban ngày được chia thành đầu ngày, giữa ngày và cuối ngày; thời gian ban đêm được chia thành đầu hôm, giữa đêm và cuối đêm. Còn Trung quốc ngày xưa dùng đơn vị thời gian là 12 giờ (giờ tý, giờ Sửu, dần, Mão...). Vì vậy, một thời của Ấn Độ bằng hai giờ cổ của Trung quốc. Ngày nay chúng ta dùng cách tính phổ biến toàn thế giới là 24 giờ. Vì sao gọi là “tiểu thời”? Vì ngắn hơn giờ của Trung quốc ngày xưa. Vì vậy, “nhị thời” trong kinh phải hiểu là 8 giờ hiện nay.

Theo chế độ trong nhà Phật, thời gian ngủ của người tu hành trong tự viện là khoảng giữa đêm. Cụ thể thì giữa đêm là vào thời gian nào? Tức là vào buổi tối từ 10 giờ cho đến 2 giờ sáng, khoảng thời gian đó gọi là giữa đêm.

Hai giờ sáng phải thức dậy, thực hiện khóa công phu sáng, lễ Phật. Ngay cả lúc ăn cơm cũng không dừng nghỉ. Ăn cơm cũng được xem là một phần công khóa tu tập. Thời xưa ở Ấn Độ khát thực, sáng sớm [chưa tăng] đều ra đi khát thực. Khát thực cũng là công khóa tu tập, cũng là kinh hành, giống như quý vị ngày nay kinh hành khi niệm Phật, vừa đi trong tâm vừa niệm Phật hiệu, hoặc là tụng kinh, công phu không hề gián đoạn. Khát thực xong, không phải khát thực rồi là ăn, mà phải trở về tịnh xá, cùng ăn như nghỉ thức quá đường, không phải mỗi người khát thực rồi ăn riêng rẽ. Không phải vậy. Trở về tịnh xá còn có những người bệnh, người không được khỏe, hoặc người già yếu không đi được, cho nên người đi khát thực về phải chia sẻ phần ăn cho họ. Có thể thấy, công phu của người tu hành không gián đoạn, trong một đời mới có thể tu hành chứng quả.

Chúng ta tự xét lại, công phu của chúng ta thường gián đoạn, vừa gián đoạn thì phiền não liền xâm nhập, gây hại cho chúng ta. Huống chi đôi chút Phật pháp của chúng ta sức lực vô cùng yếu ớt, sức của phiền não lại quá mạnh mẽ, chẳng lạ gì khi chúng ta không thể thành tựu.

Nếu quý vị xem trong luận Bách pháp minh môn, quý vị sẽ thấy tâm sở thiện chỉ có 11, tâm sở phiền não có đến 26. Quý vị nghĩ mà xem, thật không có cách, không thể so sánh! Huống chi sức mạnh của 11 tâm sở thiện lại không bằng 26 tâm sở phiền não; số lượng đã ít hơn, sức mạnh cũng kém thua, chẳng lạ gì khi chúng sinh không cách gì thoát ra khỏi luân hồi.

Điều này phải dựa vào sự giác ngộ của tự thân chúng ta, dựa vào sự tinh tấn của tự thân chúng ta, dẹp bỏ mọi sự chướng ngại khó khăn, tự mình phải tìm ra phương pháp đối trị.

Phương pháp đối trị của mỗi người đều khác nhau, vì căn tính không giống nhau. Đối với hàng trung căn trở lên, theo tôi thấy thì việc nghiên cứu giáo lý là phương pháp đối trị rất tốt. Nhưng nghiên cứu giáo lý thì nhất định phải giảng giải [với người khác]. Nếu không giảng giải sẽ dễ rơi vào giải đãi, vì để giảng giải được thì mỗi ngày phải dành thời gian xem kinh, chuẩn bị. Tôi giảng kinh đã 24 năm, mà lần này giảng Phẩm Phổ Môn, quý vị thấy mỗi ngày tôi cùng quý vị niệm Phật chỉ 2 giờ, vẫn phải dành thời gian còn lại để xem kinh. Xem thật kỹ, vì Phẩm Phổ Môn thật không dễ giảng. Chỉ nhìn ngoài bề mặt kinh văn thì có thể giảng được gì? Ngoài việc kể chuyện tích xưa, thật khó nghĩ ra điều gì để giảng. Quý vị dành thời gian quý báu đến đây, chỉ nghe kể chuyện tích xưa thôi thì có ý nghĩa gì! Mang sách Quán Thế Âm Bồ Tát Cảm Ứng Lục về nhà xem cũng được, đâu cần phải đến đây nghe kể? Vì vậy, nhất định phải phát minh nghĩa lý trong kinh văn, chúng ta mới thật sự có được lợi ích.

Theo trong văn kinh thì phương pháp tu hành chỉ có một câu “nhất tâm xưng niệm”. Quan trọng nhất, có thể giúp chúng ta giác ngộ chính là đoạn này, nhất định phải lìa ba độc. Nếu đọc đoạn kinh này, thật sự đề cao cảnh giác, thì một đời này thọ dụng không hết. Muốn lìa ba độc phải thật sự nỗ lực, thật sự buông xả. Từ chỗ nào bắt đầu buông xả? Từ những thứ bên ngoài thân buông trước, quyết không tham muốn ưa thích. Theo chế định của đức Thế Tôn, thuở xưa khi Ngài dẫn dắt tăng đoàn tu tập, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, dưới mỗi gốc cây chỉ ngủ một đêm. Điều này trong Giới kinh nhiều lần nói đến. Người xuất gia không có nhà cửa, không có tài sản, không có tiền bạc, chỉ có ba tấm y. Ba tấm y không phải giống như hiện nay. Y hiện nay đã thu nhỏ lại, chỉ là giữ hình thức giống vậy để nhắc nhở thôi. Ba tấm y ngày xưa ở Ấn Độ, ngày nay quý vị đến Thái Lan có thể nhìn thấy; ở Đài Loan cũng có một số ít.

Những tấm y xưa đủ quấn khắp quanh người. Khí hậu ở Ấn Độ nóng, quanh năm như mùa hè, chỉ có mùa mưa, không có mùa đông. Vì vậy chư tăng cần ít áo, ba tấm y là đủ, ngay cả đêm ngủ cũng đủ che thân. Tấm đại y ngày xưa dùng để đắp ban đêm khi ngủ. Còn tọa cụ là gì? Đó là vật dùng để lót bên dưới khi ngủ, như miếng nệm, ngày nay chúng ta đem dùng khi lễ Phật, chẳng có tác dụng gì. Tọa cụ chính là miếng nệm lót, để lót dưới đất khi ngủ. [Ngoài ra chư tăng] không có bất kỳ tài sản nào.

Có người thỉnh Phật giảng kinh, có nơi cúng dường Phật, có giảng đường, nếu nhiều phòng thì có thể có liêu phòng để ở. Nếu chỉ có giảng đường, không có liêu phòng, các tỳ-kheo ban đêm vẫn nghỉ bên ngoài, dưới gốc cây. Họ ở dưới gốc cây, phần lớn thời gian là ngồi thiền, không nằm ngủ, chỉ ngồi thiền.

Tại sao dưới mỗi gốc cây không được ngủ hai đêm? Vì sợ khởi tâm tham luyến. Thấy gốc cây này tốt, mát mẻ, cảnh cũng đẹp, hôm nay ngủ thoải mái, ngày mai lại đến, ngày kia lại đến. Thế là khởi tâm tham luyến. Tâm tham rất dễ sinh, vì là phiền não câu sinh từ vô thủy, “ngó đứt tơ còn vương”, nên dứt trừ rồi, gặp ngoại cảnh dẫn dụ lại sinh khởi, việc này hết sức rắc rối. Vì vậy, Phật chế định dưới mỗi gốc cây chỉ ngủ một đêm, hôm sau dời đi nơi khác, không được ở lại, không cho khởi tâm tham, phòng bị rất nghiêm ngặt. Do đó có thể thấy rằng, chỉ cần có một mảy may tâm tham là không thể thấy đạo, nói chi đến chứng đạo, tu đạo! Chỉ thấy đạo thôi cũng không thấy được rồi.

Trong Tiểu thừa, giai vị kiến đạo là Tu-đà-hoàn. Trong Đại thừa, giai vị kiến đạo là Bồ Tát Sơ trụ. Từ Sơ trụ đến Đẳng giác gọi là giai vị tu đạo, quả vị Như Lai gọi là giai vị chứng đạo.

Lại trong Tiểu thừa, từ sơ quả lên đến hướng A-la-hán gọi là giai vị tu đạo, quả A-la-hán gọi là giai vị chứng đạo. Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta hiện tại chưa nói đến Đại thừa, ngay cả Tiểu thừa cũng không được kiến đạo. Tại sao vậy? Chúng ta biết rằng, là ba độc phiền não chướng ngại tự thân chúng ta. Đây là nói về sự tu hành, bất kể là tại gia hay xuất gia, quý vị có phiền não ba độc thì chướng ngại sự tu hành của quý vị, tổn hại đến pháp thân tuệ mạng, khiến cho quý vị không thể thành tựu.

Người đời muốn cầu tiêu tai giải nạn, cầu thần lực của Phật, Bồ Tát gia hộ bảo vệ, nhưng nếu tham sân si vẫn còn thì không có cảm ứng. Khi có cảm ứng chính là lúc đạt được nhất tâm, dù gốc rễ tham sân si chưa dứt trừ được, nhưng lúc đó nó không hiện hành. Ví dụ như niệm Bồ Tát Quán Thế Âm lúc nguy cấp, không nghĩ gì khác, vì tính mạng nguy nan, buông xả hết, nhất tâm niệm Quán Thế Âm, tai nạn được hóa giải. Khi tai nạn qua rồi, tham sân si lại khởi, cảnh giới nhất tâm đó không giữ được. Thế nhưng vẫn nhờ đó được thoát nạn, được tiêu tai giải nạn. Đây gọi là “mỗi niệm tương ưng mỗi niệm Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm đều là Phật”. Người cầu Bồ Tát Quán Thế Âm được như vậy là “nhất niệm tương ưng”. Nhất niệm tương ưng đã có cảm ứng rõ rệt như vậy thì “niệm niệm tương ưng” có thể hình dung biết được là như thế nào.

Ở đây, đức Phật và các bậc Tổ sư đại đức trong tất cả mọi sự tham dục chỉ nêu ra một thứ để làm ví dụ. Cho nên quý vị hoàn toàn không được hiểu lầm, cho rằng sắc dục không thể tham, còn tham tài vật thì không sao, tham danh tiếng cũng không sao... Phật không nói vậy. Nếu nghĩ như vậy là hổng. Hoặc cho rằng pháp thế gian không thể tham, vậy pháp xuất thế hẳn là có thể. Nếu nghĩ như vậy là hoàn toàn sai lầm. Pháp xuất thế nếu có thể tham thì mỗi ngày quý vị tụng Tâm kinh, đến câu “vô trí diệc vô đắc” nên lược bỏ đi. “Vô trí diệc vô đắc” là ý nói với quý vị, Vô thượng Bồ Đề xuất thế gian cũng không thể dùng tâm tham để chứng đắc. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Đạo Bồ-đề viên mãn đều quy về không có chỗ chứng đắc.” Lục Tổ Đại sư chứng đạo chính là ở câu “bản lai vô nhất vật”, từ đó ngài mới có thể chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong đoạn kinh Lăng Nghiêm ở trên nói “huân tập tánh nghe, xa lìa trần tướng”. Đây là nói về công phu “xoay cái nghe vào soi chiếu tự tánh” của Bồ Tát. Công phu này đặc lực thì có thể “huân tập tánh nghe, xa lìa trần tướng”. Huân là huân tập. Nghe ở đây là cái nghe hư vọng, tức là nhĩ thức, ý thức, là vọng tâm, tâm vọng tưởng chạy theo âm thanh trần cảnh, nghe hướng ra bên ngoài. Đó là cái nghe hư vọng, tâm hư vọng. Công phu “xoay cái nghe vào soi chiếu tự tánh” có thể khiến cái nghe hư vọng dừng lại, vắng bật. Dừng bật rồi thì thành gì? Thành “cái nghe chân chánh, được vào dòng thánh”. Đúng như Đại sư Giao Quang nói là “bỏ thức dùng căn”. “Huân tập tánh nghe xa lìa trần cảnh” chính là bỏ thức, “huân tập tánh nghe” là bỏ thức, “xa lìa trần cảnh” là không bám chấp, nắm giữ trần cảnh bên ngoài, không bám chấp hình tướng, không bám chấp nắm giữ sắc trần bên ngoài. Đây chính là “nhập dòng viên thông, chỗ nghe không còn” đã nói ở trước, “chỗ nghe” chỉ đến [âm thanh], cảnh giới bên ngoài, xa lìa tất cả cảnh giới bên ngoài. Bồ Tát dùng nhĩ căn, tai đối với âm thanh, gút thắt của âm thanh trần cảnh được mở, vì mỗi căn có sáu gút thắt, tổng cộng [6 căn] 36 gút thắt. Sáu gút thắt đã giảng ở phần trước. Một căn trở về nguồn, sáu căn đều giải thoát. Chỉ cần sáu gút thắt nơi một căn được mở, thì các gút thắt nơi các căn khác cũng đều tiêu trừ. Vì vậy, sắc trần không thể chướng ngại tâm thanh tịnh, cũng không thể làm tăng thượng duyên dẫn khởi phiền não tham ái. Nó không còn tác dụng. Cho nên, Bồ Tát dùng oai lực thù thắng như vậy gia hộ, bảo vệ chúng sinh, “khiến cho tất cả chúng sinh nhiều dâm dục xa lìa tham dục”. Đối với độc tham này chúng ta không sợ nữa.

Ý nghĩa này rất quan trọng. Chúng ta đối với bất kỳ pháp thế gian hay xuất thế gian nào, khởi sinh tham ái không thể buông bỏ xa lìa, thì đều có thể vận dụng

phương pháp này. Phương pháp này là gì? Là “thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm”. Cung kính là gì? Là “nam-mô”. Ngày nay chúng ta niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, nam-mô nghĩa là cung kính, dịch sang tiếng Trung quốc là quy y, cung kính, âm tiếng Phạn là “nam-mô”.

Thường niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, phải ghi nhớ điều cốt yếu là “nhất tâm xưng niệm”. Niệm với tâm thanh tịnh thì có thể dứt trừ hết tất cả tâm tham, điều này phải ghi nhớ kỹ. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, nếu có may mắn tâm tham đều sẽ tạo thành chướng ngại nghiêm trọng, khiến chúng ta muốn tu định, tu tuệ đều không thành; niệm Phật muốn được “nhất tâm bất loạn”, muốn được “công phu thành phẩm” cũng đều không được.

Suy nghĩ kỹ, chúng ta bị tai hại thật quá lớn! Nếu không có ba thứ độc [tham sân si] này chướng ngại, người muốn vắng sinh Tịnh độ hẳn đã đi từ lâu. Chính do ba thứ độc này chướng ngại nên chúng ta đời đời kiếp kiếp tu học đều không đi được, đời đời kiếp kiếp tu học đều không khai ngộ. Có ba thứ độc này chướng ngại, dù tu pháp nào cũng đều là tu luyện mù quáng.

Cho dù nghi quỹ tu hành người xưa còn đó, chúng ta cũng y theo đó tu hành, nhưng người xưa tu theo đó thì có thành tựu, chúng ta y theo đó tu hành không thành tựu. Tại sao vậy? Vì người xưa y theo pháp tu, trong đó không có tham sân si; chúng ta nay cũng y theo pháp tu, nhưng trong đó đầy tham sân si. Nghi quỹ tu tập không sai chút nào, nhưng đó là pháp chúng sinh, pháp thế gian, không phải Phật pháp; là những nghi quỹ này, không cần nghi quỹ nào, nhất tâm tu hành, thì toàn là Phật pháp. Như chuyện người bạn của Lão Pháp sư Đàm Hư siêu độ oan gia trái chủ, siêu độ vợ con, không có nghi quỹ gì. Khi quỷ tìm đến trước mặt cầu siêu độ, lúc đó ông chưa xuất gia, làm cư sĩ không biết nghi thức, cũng không biết siêu độ là gì. Ông đã “tám năm đọc Lăng Nghiêm”, trong kinh Lăng Nghiêm đã có chút lợi lạc. Con quỷ trước mặt nói: “Chỉ cần ông đồng ý một tiếng là được.” Đồng ý một tiếng chẳng phải quá đơn giản sao! “Được rồi, tôi đồng ý.” Thế là quỷ được siêu độ. Ông thấy quỷ đứng dậy, đập lên đầu gối, lên vai ông, bay lên trời. Không nghi thức gì, không tụng kinh, không cầu nguyện, chỉ nói đồng ý một tiếng là xong.

Trong Ảnh trần hồi ức lục nói: “Có thể thấy rằng, tự thân công phu còn chưa đạt thì dù nghi thức nào cũng uống công; công phu thành tựu rồi, chỉ cần gạt đầu cũng đã xong, vấn đề liền được giải quyết.”

Mời quý vị xem tiếp phần dưới đoạn thứ hai, trang 819, dòng thứ 6, bắt đầu từ câu thứ hai.

“Tự giận mình là hận, giận người khác là sân, người nhiều sân hận thì trong đời này người khác không muốn gặp, như con ngựa khát giữ nước. Kinh Di giáo nói: ‘Cướp đi công đức quý báu, không gì hơn sân hận.’ Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Một niệm tâm sân khởi, che chướng trăm pháp sáng suốt.’ Trước đây tôi đã giảng đoạn này. Lửa sân hận xét về sự tổn hại là nghiêm trọng nhất, cũng đáng sợ nhất, nên gọi là “một niệm tâm sân khởi, triệu chướng ngại mở ra”. Ở đây nói “che chướng trăm pháp sáng suốt”. Trăm pháp là chỉ đến hết thấy các pháp, sáng suốt là chỉ trí tuệ. Nói cách khác, như quý vị thông đạt hết thấy các pháp, nhưng một niệm tâm sân vừa khởi thì hết thấy những cửa ngõ thông đạt các pháp đó sẽ toàn là chướng ngại.

Ở đây, Đại sư trước tiên giải thích thế nào là sân hận. Hận là tự mình có sự phẫn nộ trong lòng, chưa biểu lộ, tức là oán hận trong lòng. Bộc phát ra bên ngoài gọi là sân; giấu trong lòng chưa phát gọi là hận. Cho nên hận là từ trong tâm, sân là từ mắt, biểu hiện qua ánh mắt. Ở đây giảng rằng, khi một người tự mình phát lên cơn giận gọi là hận; khi có đối tượng bên ngoài, bộc phát cơn giận ra bên ngoài với người khác gọi là sân. Ý nghĩa này cũng có thể giảng thông suốt, cả hai ý đều tốt.

Người nhiều sân hận, quý vị thử nghĩ xem, có ai muốn cùng họ kết bạn? Có ai vui thích giao du qua lại? Đây cũng là lẽ đương nhiên. Những người nhiều sân hận, ai gặp phải cũng lạng lẽ tránh xa, không muốn cùng người ấy giao du. Tiếp theo nêu một ví dụ, “như con ngựa khát nước”, con ngựa ấy muốn uống nước, ngựa khác đến uống nước của nó, nó sẽ đuổi đi, đó là “giữ nước”. Khi bị người khác xâm phạm [những thứ của mình], tâm sân liền khởi.

“Cướp đi công đức quý báu, không gì hơn tâm sân hận.” Công đức là tài sản pháp, đó là nói “lửa thiêu cháy rừng công đức”. Trước tiên chúng ta phải hiểu rõ thế nào gọi là công đức. Công đức và phước đức khác nhau. Phước đức mà quý vị tu tích được sẽ không thể mất. Tu phước ắt sẽ hưởng quả báo. Việc thiện có thiện báo, việc ác có ác báo, tu phước là việc thiện, nhất định có phước báo, quyết không thể mất. Công đức thì rất dễ mất. Vậy công đức là gì? Là định, là tuệ. Quý vị thử nghĩ xem, một khi cơn giận bùng lên, làm sao còn có định? Định đã không có, tuệ cũng không thể có. Định và tuệ không dễ dàng tu tập thành tựu. Lấy ví dụ như những người niệm Phật chúng ta, nói tu tập được “nhất tâm bất loạn”, thật

không dễ dàng. Thật sự đã tu đạt đến nhất tâm bất loạn rồi, cơn giận vừa nổi lên, trạng thái nhất tâm liền lập tức biến mất. Muốn được lại nhất tâm thật không dễ.

Phật pháp xem trọng sự tu học đạt được công đức. Quý vị nói xem mình đã có được bao nhiêu công đức? Quý vị thử nghĩ xem, lần cuối cùng mình không vui, nổi giận là khi nào? Vậy từ đó đến lúc này quý vị chưa nổi giận, công đức của quý vị chỉ được chừng đó thôi. Việc này thật hết sức rắc rối. Nếu như tu hành suốt cả một đời, đến lúc lâm chung chỉ một phút bất bình, thế là xong, toàn bộ tiêu tan hết. Như thế gọi là gì? Gọi là “lửa cháy rừng công đức”, lửa sân hận thiêu rụi toàn bộ rừng công đức của quý vị, thiêu hết sạch không còn gì.

Vì vậy, chư vị phải hiểu rằng, đối với hoàn cảnh bên ngoài, khi những cảnh trái nghịch, duyên trái nghịch hiện ra, đó chính là ma. Ma nhìn thấy quý vị có định lực, bao ngày tu tập không luống công, nếu công phu càng thâm sâu hơn nữa thì quý vị sẽ vượt thoát ngoài ba cõi, nó liền sinh tâm đố kỵ, không vui, phải nghĩ cách phá hoại quý vị, dụ dỗ quý vị. Sự dụ dỗ đó thực chất là khuyến khích quý vị, bảo quý vị hãy nhanh chóng thiêu đốt đi, đốt nhanh lên, nhanh lên, đốt hết công đức của quý vị đi. Chỉ cần quý vị nổi giận lên là tất cả đều bị thiêu rụi hết. Nếu quý vị thật nghe lời, lập tức nổi giận, thế là thiêu rụi hết công đức. Ma nhìn thấy vậy trong lòng sẽ vui mừng: “Xem kìa, ta bảo hẩn đốt là hẩn đốt liền, hẩn đã bị ta lừa!”

Vì vậy, người tu hành phải giác ngộ, gặp những hoàn cảnh như vậy liền phải biết, hẩn đến dụ dỗ ta, ta quyết không mắc lừa. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni không mắc lừa Đề-bà-đạt-đa, nên Ngài thành Phật; vị tiên nhân nhần nhục không mắc lừa vua Ca-lợi, nên pháp tu ba-la-mật nhần nhục của ngài được viên mãn. Chỉ cần ta không mắc lừa, công đức của ta sẽ viên mãn. Còn người đến dụ dỗ kia là ai? Đó là Bồ Tát, là Phật. Nếu không có người ấy đến xúi giục, thổi lửa sân hận, làm sao quý vị có thể tiến bộ? Làm sao quý vị có thể thành tựu? Như tôi đã giảng ở phần trước về tam pháp diệu, trong đó có tứ thành diệu.³ Quý vị phải hiểu rằng, tất cả chúng sinh đều có ân đức với chúng ta. Như khi đánh trận, quý vị đánh bại đối phương, giết chết tướng địch, bản thân được thăng chức, lên thành đại tướng. Vậy chức đại tướng của quý vị từ đâu mà có? Chính là người kia đã hy sinh cả mạng sống cho quý vị, người ấy là đại ân nhân của quý vị, có đúng vậy không?

³ Xem lại phần giảng về Tam quy (ba quy tắc), trong đó có tứ thành quy, cũng tức là tứ thành diệu trong tam pháp diệu, thuộc về Thập diệu trong kinh Pháp hoa.

Nếu người ấy không thua trận, làm sao quý vị được thăng quan? Nếu người ấy không chết, làm sao quý vị có thể lên chức? Thật là ân đức rất lớn lao.

Phật pháp nhìn sự vật không chỉ nhìn qua bề ngoài, mà phải nhìn bao quát khắp mọi mặt. Người thiện cũng có lúc phá hoại chúng ta, kẻ ác cũng có lúc giúp đỡ chúng ta. Vì vậy, trong Phật pháp nói về thiện ác thì tất cả những gì giúp đỡ chúng ta đều là thiện, những gì phá hoại chúng ta chính là ác. Những oan gia đối đầu có thể giúp chúng ta thành tựu định lực, thành tựu trí tuệ, đó là công đức lớn, là thiện tri thức lớn. Còn nếu một người thiện, hôm nay cúng dường rất nhiều tiền tài, ngày mai lại cúng dường nhiều tinh xá, khiến cho tâm tham của quý vị tăng trưởng. Đó là đại hộ pháp của ta, nhưng hộ những pháp gì? Người ấy đến hộ trì quý vị là khiến quý vị tăng trưởng tham sân si, chính là hộ trì tham sân si của quý vị. Kẻ ác đến hộ trì giới định tuệ của quý vị, người thiện đến hộ trì tham sân si, vậy chẳng phải là quý vị đã đảo lộn thiện ác hay sao?

Người đời ngu si, nên ở những chỗ này chúng ta phải cảnh giác, phải nâng cao tâm cảnh giác. Vì vậy, đối với kẻ ác không sân hận, đối với người thiện không vui mừng, đối với cả hai đều phải đề phòng. Kẻ ác đến, phải đề phòng giới định tuệ của ta bị hấn phá hoại; người thiện đến, phải đề phòng tham sân si của ta tăng trưởng, đều phải đề phòng trước. Nhất định tự mình phải dứt trừ ba độc tham sân si, thành tựu công đức giới định tuệ. Tâm đề phòng đó là gì? Chính là tâm tỉnh giác nhận biết. Cho nên nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ nhận biết chậm”, tỉnh giác quyết không thể để mất đi trong một khoảnh khắc nào, một khi mất đi sự giác ngộ, lập tức sẽ rơi vào mê hoặc.

Đoạn tiếp theo trích dẫn từ kinh Lăng Nghiêm:

“Mười là, thuần một viên âm thanh tịnh không trần cảnh, căn cảnh viên dung, không còn đối đãi năng sở, nên khiến tất cả chúng sanh phần hận được xa lìa sân hận.”

Trong chú giải có nói: “Sân hận khởi lên do trái với ý mình, đối với trần cảnh mà khởi sinh.” Đó là tâm sân hận. Thế nào là “trái với ý mình”? Là những hoàn cảnh không vừa ý, không mong muốn. Không ưa thích hoàn cảnh hiện tại nên quý vị mới sinh sân hận. Vì vậy, nếu thực sự đi tìm nguồn gốc, đó vẫn là từ tâm tham. Do trái với lòng tham của mình nên sân hận mới nổi lên. Do đó, tâm tham mới là gốc rễ lớn. Không có tâm tham thì tuyệt đối không thể sân hận, người có sân hận nhất định có tâm tham. Người không có tâm tham sẽ không có ngu si, không có sân hận. Từ đó có thể biết rằng, người tu học chân chính thì dứt trừ tâm

tham là tu học từ chỗ căn bản nhất. Cần phải buông xả được, sau khi buông xả mới được đại tự tại, buông xả phải buông xả đến thanh tịnh.

Lục Tổ Đại sư trong Đàn kinh từng thọ ký, sau ngài sẽ có hai vị Bồ Tát xuất hiện ở thế gian này, tại Trung quốc, một vị là tại gia, một vị là xuất gia. Tương ứng với thời gian đại sư đã nói, quả thực có hai vị. Vị tại gia là Bàng cư sĩ. Bàng cư sĩ là một vị trưởng giả, gia đình rất giàu có. Sau khi học Phật, ông đem tất cả tài bảo quý giá trong nhà chất hết lên một chiếc thuyền lớn, đưa ra giữa dòng sông, rồi đục một lỗ dưới đáy thuyền, tất cả chìm dần xuống đáy sông, ông không cần đến nữa.

Có người hỏi ông: “Thưa đại cư sĩ, ngài không cần những tài bảo quý giá đó nữa, sao không đem làm một chút việc từ thiện, làm việc tốt cứu giúp người, chẳng tốt hơn sao?” Chúng ta vừa nghe thấy cũng hợp lý. Nhưng việc làm của Bàng cư sĩ thực ra chỉ để khuyên người đời sau một câu: “Làm việc tốt chẳng bằng không có việc.” Các vị thử nghĩ xem, không có việc gì thì tâm mới thanh tịnh, làm việc tốt tâm vẫn không thanh tịnh. Không có việc gì, tâm tham mới có thể dứt trừ hoàn toàn, còn làm việc tốt thì tâm tham vẫn không dứt trừ hết, cũng như ngó sen bẻ rời ra vẫn còn dính dây tơ.

Bồ Tát có phát nguyện thì tuyệt đối cũng không có tham cầu. Phát nguyện rộng độ chúng sinh, nhưng không thể tham muốn việc độ chúng sinh. Vì một khi tham muốn thì tâm tham liền khởi lên. Như vậy, việc cứu độ chúng sinh phải thế nào? Hoàn toàn tùy duyên, không tìm kiếm. Đi tìm là có tâm tham, đó là Bồ Tát tham muốn sáu ba-la-mật với muôn công hạnh, không thể “thấy tánh sáng tâm”. Ở trong tự viện, vị ấy sẽ muốn làm trụ trì, muốn làm tri sự, đó là có tâm tham. Đại sư Trí Giả đã thị hiện cảnh giới này để dạy người đời sau. Đại sư Trí Giả là Tổ sư của tông Thiên Thai, Tổ đời thứ nhất, cả đời hoằng dương kinh Pháp Hoa. Ngài niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, tông chỉ là “Giáo tông Pháp Hoa, hạnh tại Di Đà”. Lúc Ngài sắp vãng sinh, đệ tử hỏi về cảnh giới của Ngài. Ngài rất khiêm tốn, bảo họ rằng: “Nếu ta không lãnh chúng, ta có thể đạt được lý nhất tâm bất loạn, thượng phẩm thượng sinh. Nhưng vì làm trụ trì tự viện, phải quản việc, phải lãnh chúng, nên tổn thất đối với bản thân rất lớn. Ngài nói chỉ đạt được gì? Được đời nghiệp vãng sinh, chỉ tu thành ngũ phẩm. Ngũ phẩm là cảnh giới công phu thành phẩm, đời nghiệp vãng sinh. Các vị xem, chênh lệch biết bao, đó là xả bỏ thân mình vì người. Lãnh chúng là cơ duyên, mọi người suy cử quý vị, quý vị vì việc nghĩa không thể từ chối, phải nhận làm; nếu không ai suy cử, tuyệt đối không được tranh cử, tranh cử đều là có tâm tham rồi. Đã có người khác phát tâm làm,

thật tốt quá, A-di-đà Phật! Người ấy nhận làm, thật tốt quá. Không nên tranh giành. Chúng ta cần là gì? Chúng ta cần tâm thanh tịnh, cần lý nhất tâm bất loạn, cần buông bỏ vạn duyên. Các bậc tổ sư, đại đức xưa nay đều thị hiện như vậy để dạy chúng ta.

Trong hoàn cảnh hiện nay, cấu trúc xã hội của chúng ta không giống nhau, phương thức sinh hoạt khác biệt, người chân chính phát tâm tu học không có đạo tràng để ở. Ngày xưa có thể đến đạo tràng trong rừng lâm để tham gia đại chúng, không nghe không hỏi việc gì, chân chính dụng công tu đạo. Như vậy hoàn cảnh sẽ thành tựu cho ta. Nhưng bây giờ không còn nữa. Không còn thì phải làm sao? Hiện nay có không ít người, có một số thí chủ cúng dường một căn nhà nhỏ, một am thất nhỏ, để tự mình tu hành. Đây trở thành phương thức duy nhất của người tu hành ngày nay. Nhưng người tu hành nhận sự cúng dường này, nhất định phải một lòng tu đạo, quyết không thể bị những cúng dường này trói buộc, vướng bận, nếu không thì rắc rối lớn lắm.

Vì vậy, người tu hành nhất định phải có quan niệm thế này: “Chúng ta ở thế giới Ta-bà là khách, bất kể người ta cúng dường tinh xá như thế nào, đều xem là nhà trọ.” Ở một ngày tính một ngày, có thể rời đi bất cứ lúc nào, tuyệt đối không lưu luyến. Nhà trọ ta ở đây, rất thoải mái, ngày mai phải đi, nơi này căn bản không có một chút lưu luyến nào, như vậy mới có thể đi đến thế giới Cực Lạc. Nếu ta có một chút lưu luyến, đây là tài sản của ta, đây là tinh xá của ta, như vậy là hỏng rồi. Chẳng những không thể được nhất tâm bất loạn, mà công phu thành phiền cũng không thể được. [Sự lưu luyến ấy] nhất định sẽ kéo ta trở lại sinh tử luân hồi, không thoát ra khỏi ba cõi.

Cho nên, chúng ta đối với việc này phải nâng cao tâm cảnh giác, tuyệt đối không được mắc lừa.

Trong phần chú giải nói: “Đối với trần cảnh mà khởi sinh, viên dung thì không có trái nghịch, không có đối tượng thì không sân hận.” Không có đối tượng chính là điều mà Lục Tổ nói là “xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi trần”. Nói đến đối tượng, nói đến tận cội gốc thì chính là ngã chấp và ngã sở. Có ngã thì có đối tượng, đã có ngã thì đối tượng đó là ngã sở; không có ngã thì không có gì sở hữu, không có cái gì do ta sở hữu. Là bỏ được ngã và ngã sở, xin thưa cùng quý vị, đó là đạt được sự nhất tâm bất loạn, chưa phải lý nhất tâm bất loạn, chỉ là đạt được sự nhất tâm bất loạn.

Đối với ngã và ngã sở, chỉ lìa bỏ được ngã sở, nếu chỉ lìa bỏ được ngã sở mà chưa lìa bỏ được ngã, thì đó là công phu thành phần, được đời nghiệp vãng sinh.

Đây là chúng ta từ nhiều phương diện để nói rõ về ba cảnh giới của Tịnh độ: lý nhất tâm, sự nhất tâm và công phu thành phần. Từ các phương diện khác nhau để quán sát, sau đó mới biết vì sao công phu của chúng ta không hiệu quả, vì sao không nhập đạo, vì sao không thành tựu, tự mình sẽ biết. Tự mình biết rồi thì có biện pháp. Cũng giống như khi chúng ta bị bệnh, nếu tự mình không biết bệnh của mình thì thật khổ, một khi bệnh phát tác sẽ nguy hiểm tính mạng. Nếu tự mình biết trước, đã biết rồi thì sao? Thì chúng ta sẽ tự mình nghĩ cách đối trị, có thể chữa trị bệnh.

Vì vậy, quan sát từ nhiều phía những nhân duyên chương đạo, chúng ta đều hiểu rõ, thì sẽ biết cách đối trị. Ân đức của chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức đối với chúng ta chính là ở chỗ này, dạy chúng ta hiểu rõ, giúp chúng ta tìm ra nguyên nhân bệnh. Sau khi tìm ra nguyên nhân bệnh thì làm sao để chữa bệnh, đó là việc của chính mình, không ai có thể giúp được. Ví như dạy cho quý vị nhìn thấu, dạy cho quý vị buông bỏ, vị thầy chỉ có thể dạy như vậy thôi. Còn việc nhìn thấu, buông bỏ là việc của tự thân quý vị, thầy không thể giúp được. Chư Phật, Bồ Tát cũng không thể giúp. Nên phải dựa vào công phu của chính mình, tự mình nỗ lực thực hành.

Chỗ này nói “thuần âm không trần cảnh”, cũng là nói tánh nghe thuần nhất của Bồ Tát, dùng tánh nhiệm mầu để nghe âm thanh, tức là nói tánh nghe. Trong tánh nghe không có đối tượng, cái mà tánh nghe nghe được là tánh của âm thanh. Tánh với tánh tương hợp thì cũng giống hết như hư không với hư không tương hợp, là một không phải hai.

Có thể thấy như nhĩ thức, nhĩ thức là có phân biệt, có bám chấp vướng mắc, đối tượng của nó là âm thanh trần cảnh. [Như vậy là] căn, trần với thức đối lập, không phải viên dung. Vì vậy, dùng tánh nghe để nghe tánh âm thanh là viên dung, không đối lập; dùng tánh thấy để thấy tánh hình sắc cũng là viên dung, không đối lập. Chính vì muôn pháp viên dung, nên gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân là gì? Chính là tánh, cho nên nói “thấy tánh sáng tâm”. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần, hết thấy đều là tánh, một tánh không hai tánh, cho nên pháp giới gọi là nhất chân. Trong nhất chân không có đối lập, sân hận làm sao có thể sinh khởi? Vì vậy, Bồ Tát Quán Thế Âm không có sân hận, người thấy tánh sáng tâm không có sân hận, người chứng đắc lý nhất tâm không có sân hận.

Chúng ta hiểu rõ ý nghĩa này rồi, thấy sân hận không thể giúp chúng ta đạt được nhất tâm, vậy trong mọi hoàn cảnh trước tiên chúng ta phải tu tập gì? Trước tiên phải tu tập nhẫn nhục, trước hết phải nhẫn. Công phu chưa thành tựu, chưa thành tựu thì sao? Thì phải nhẫn chịu. Công phu thành tựu rồi thì không cần nhẫn, vì sao? Vì căn bản là không có gì để nhẫn; công phu thành tựu rồi thì tan hòa, tan hòa thành một tánh, căn bản không còn đối tượng để nhẫn.

Công phu chưa đến thành tựu mới tu nhẫn nhục ba-la-mật. Cho nên, nhẫn nhục ba-la-mật chính là phương tiện chuẩn bị để tu nhất tâm. Nói cách khác, trong pháp môn Tịnh độ của chúng ta nói về công phu cạn sâu, về lý nhất tâm, sự nhất tâm, công phu thành phiền, cũng chính là ở mức độ nhẫn nhục cạn sâu biểu hiện ra. Tu tập nhẫn nhục ba-la-mật được viên mãn, viên mãn tức là thấy tánh, tức là viên dung, đó chính là lý nhất tâm. Chưa đạt đến viên mãn nhưng đã rất thâm sâu, đó là sự nhất tâm. Mức độ không được sâu, đó là công phu thành phiền. Mọi việc đều có thể nhẫn, không động tâm nóng giận, như vậy có thể đắc sự nhất tâm.

Chính vì có công đức, diệu dụng như vậy, nên đức Phật trong kinh Kim Cang nhiều lần tán thán: “Tất cả pháp thành tựu nhờ vào nhẫn.” Ngay trong pháp thế gian cũng nói: “Không nhẫn được việc nhỏ thì hỏng việc lớn.” Pháp thế gian mà không có nhẫn cũng không thể thành tựu. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, đều phải hiểu tầm quan trọng của nhẫn nhục, công đức của nhẫn nhục chính là thành tựu hết thảy các pháp.

Vì vậy, nhất định phải xa lìa sân hận. Khi chúng ta không thể xa lìa, thì chỉ thành cung kính xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cầu nguyện thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm gia trì. Đó là khi phải chịu sự sỉ nhục cực lớn, muốn nhẫn cũng không thể nhẫn được, không còn cách nào nhẫn được, thì lập tức niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, như vậy sẽ giúp vào sức nhẫn nhục ba-la-mật của quý vị, bảo toàn công đức của quý vị, đừng để công đức của quý vị bị thiêu rụi bởi ngọn lửa [sân hận], như vậy thật rất đáng tiếc.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi. Phần sau còn một đoạn nhỏ nói về “ngu si”, tối nay chúng ta sẽ tiếp tục giảng.